

Bản án số: 85/2019/DS-ST

Ngày: 22-7-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thanh T (tên thường gọi: Tài), sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp 2, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị V Anh, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 49, Khu phố X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn Minh D, sinh năm: 1971.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: ấp L xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V Anh, có mặt; ông D, bà V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T là bà Nguyễn Thị V Anh trình bày:

Vào tháng 9 năm 2018, ông Nguyễn Thanh T (tên thường gọi: Tài) có cho ông Võ Văn Minh D và bà Nguyễn Thị Tuyết V vay số tiền 38.840.000 đồng, không tính lãi, thời gian vay là 04 tháng. Ông D và bà V có cam kết sẽ trả cho ông T 10.000.000 đồng vào ngày 15 tháng 10 âm lịch năm 2018, số tiền còn lại sẽ trả hết vào ngày 15 tháng 01 năm 2019 nhưng không thực hiện. Ông T nhiều lần đòi tiền nhưng đến nay ông D và bà V vẫn chưa trả nên ông T khởi kiện yêu cầu ông D và bà V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 38.840.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là ông Võ Văn Minh D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết V là vợ chồng hợp pháp. Từ trước đến nay cùng làm ăn chung và sống chung với nhau.

Ông thừa nhận ông và bà V có ký vào “Tờ cam kết trả nợ” của ông Nguyễn Thanh T (tên thường gọi là Tài) cung cấp cho Tòa án nhưng số tiền thiếu đó là tiền ông lấy vé số của đại lý ông T để bán, do không có tiền trả tiền vé số cho ông T nên ông T làm giấy kêu ông và bà V ký. Tuy nhiên, ông không có gì chứng minh số tiền ông thiếu ông T là tiền lấy vé số nên ông T khởi kiện cho rằng đó là tiền vay thì ông cũng không có ý kiến vì ông và bà V đã ký nhận nợ thì dù là tiền nợ vay hay tiền nợ mua vé số đều phải trả.

Vợ chồng ông đồng ý liên đới trả cho ông T số tiền nợ 38.840.000 đồng nhưng sẽ bắt đầu trả vào năm 2022 và chỉ trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông D, không có ý kiến gì khác. Số tiền thiếu ông T là tiền nợ mua vé số. Thực ra tiền vợ chồng bà nợ từ việc mua vé số chỉ có 20.000.000 đồng nhưng do ông T có tính tiền lãi nhập chung nên mới thành số tiền 38.840.000 đồng. Do vợ chồng bà không có gì để chứng minh số tiền này là lãi cộng vốn và vợ chồng bà cũng đồng ý trả số tiền này nên bà cũng không cần đối chất với ông T để xác định số tiền này là tiền nợ mua vé số hay tiền mượn. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chỉ đồng ý bắt đầu trả tiền cho ông T từ năm 2022 trở đi và theo cách trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Võ Văn Minh D và bà Nguyễn Thị Tuyết V. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L), xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự không có yêu cầu thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Ông Võ Văn Minh D, bà Nguyễn Thị Tuyết V là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà V.

[2] Về nội dung:

Ông T yêu cầu ông Võ Văn Minh D và bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 38.840.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ để khởi kiện là “Tờ cam kết trả nợ” đề tháng 9 năm 2018. Ông D, bà V cũng thừa nhận ông bà là vợ chồng hợp pháp, cùng sống chung và làm ăn chung. Ông D, bà V thừa nhận có ký “Tờ cam kết trả nợ” đề tháng 9 năm 2018 do ông T nộp cho Tòa án và đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 38.840.000 đồng cho ông T. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông D, bà V cho rằng đây là nợ mua vé số từ đại lý vé số của ông T để đi bán kiếm lời và trong số tiền ông T khởi kiện có tiền lãi nhập vốn, vốn chỉ có 20.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh và ông T cũng không thừa nhận. Ông D, bà V là vợ chồng hợp pháp, cùng thừa nhận có ký tên vào “Tờ cam kết trả nợ” số tiền 38.840.000 đồng và cho rằng từ khi ký giấy đến nay chưa trả cho ông T được khoản tiền nào nên ông T khởi kiện yêu cầu ông D, bà V liên đới trả số tiền 38.840.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ông D, bà V đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 38.840.000 đồng nhưng xin trả dần từ năm 2022 trở đi mỗi tháng 500.000 đồng. Ông T không đồng ý cho trả dần nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, cần buộc ông D, bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 38.840.000 đồng.

Ông T không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D, bà V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.942.000 đồng ($38.840.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.942.000 \text{ đồng}$).

Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 971.000 đồng theo biên lai thu số 0004087 ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Buộc ông Võ Văn Minh D và bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền là 38.840.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn Minh D và bà Nguyễn Thị Tuyết V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.942.000đ (Một triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 971.000đ (Chín trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004087 ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Trang